

Số: /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 35/TTr-SKHCN ngày 18/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2025, gồm 14 nhiệm vụ như sau:

- Lĩnh vực khoa học Nông nghiệp: 06 nhiệm vụ.
- Lĩnh vực khoa học Xã hội và Nhân văn: 03 nhiệm vụ.
- Lĩnh vực khoa học Giáo dục và Đào tạo, Y dược, Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số: 02 nhiệm vụ.
- Nhiệm vụ KH&CN thực hiện Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030: 01 nhiệm vụ.
- Nhiệm vụ KH&CN thực hiện Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình quốc gia hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên: 01 nhiệm vụ.

6. Nhiệm vụ KH&CN thực hiện Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022 - 2030: 01 nhiệm vụ.

*** Phương thức tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Điều này:** Giao trực tiếp, tuyển chọn.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ

1. Công bố Danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2025; tổ chức thực hiện việc tuyển chọn, giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành của pháp luật; đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh tên, mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến của nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước để sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^{PH}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC

Danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ	Phương thức thực hiện
I	LĨNH VỰC KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP		
1	1	<p>Đề tài: Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật đồng bộ trong sản xuất lạc đen xen nghệ nhằm phát triển bền vững vùng nguyên liệu nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên</p> <p>1. Mục tiêu</p> <p>(1) Xây dựng được quy trình thâm canh lạc đen xen nghệ phù hợp góp phần phát triển bền vững vùng nguyên liệu nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Xây dựng được các mô hình sản xuất lạc đen xen nghệ gắn với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Giống lạc đen trồng xen với nghệ cho năng suất đạt > 2,0 tấn/ha, phù hợp với điều kiện tự nhiên và điều kiện trồng xen nghệ tại địa phương.</p> <p>(2) 02 quy trình kỹ thuật trồng lạc đen xen nghệ (thâm canh và theo hướng hữu cơ): quy trình được công nhận tại cấp cơ sở.</p> <p>(3) 01 mô hình trình diễn tổng hợp sản xuất lạc đen xen nghệ gắn với tiêu thụ sản phẩm, năng suất cây lạc đạt > 2,0 tấn/ha, năng suất cây nghệ > 20 tấn/ha, hiệu quả kinh tế của mô hình tăng tối thiểu 20% so với sản xuất nghệ trồng thuần.</p> <p>(4) 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước.</p> <p>(5) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và đối ứng của các đơn vị phối hợp thực hiện mô hình.</p>	Tuyển chọn
2	2	<p>Dự án: Hoàn thiện quy trình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ phế phụ phẩm sau thu hoạch nhãn, vải phục vụ sản xuất</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>1) Hoàn thiện quy trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phế phụ phẩm sau thu hoạch nhãn, vải quy mô 10 tấn nguyên liệu/đồng ừ.</p> <p>(2) Sản xuất được 50 tấn phân hữu cơ vi sinh từ phế phụ phẩm sau thu hoạch nhãn, vải phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) Chuyển giao thành công quy trình kỹ thuật sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phế phụ phẩm sau thu hoạch nhãn, vải.</p>	Giao trực tiếp

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ	Phương thức thực hiện
	nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại tỉnh Hưng Yên	<p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) 01 Quy trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phế phụ phẩm sau thu hoạch nhãn, vãi (quy mô 10 tấn nguyên liệu/đồng ủ).</p> <p>(2) 01 điểm thí nghiệm sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phế phụ phẩm sau thu hoạch nhãn, vãi quy mô 10 tấn nguyên liệu/đồng ủ.</p> <p>(3) 50 tấn phân hữu cơ vi sinh từ phế phụ phẩm (30 tấn từ phế phụ phẩm nhãn, 20 tấn từ phế phụ phẩm vãi) đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7185:2002 về phân hữu cơ vi sinh vật, tiêu chuẩn cơ sở cho phân bón hữu cơ vi sinh vật từ phế phụ phẩm nhãn, vãi.</p> <p>(4) 03 điểm thí nghiệm ứng dụng phân bón hữu cơ vi sinh từ phế phụ phẩm sau thu hoạch nhãn, vãi (quy mô 3-5 ha).</p> <p>(5) Tổ chức tập huấn 03 lớp (100 người/lớp);</p> <p>(6) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và đối ứng của các đơn vị phối hợp thực hiện mô hình.</p>	
3	3 Đề tài: Nghiên cứu, xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất nhân tạo giống và nuôi thương phẩm cá chuối hoa (<i>Channa maculata</i>) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.	<p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất nhân tạo giống và nuôi thương phẩm cá chuối hoa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, nhằm chủ động quy trình kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chuối hoa cho người nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả nuôi trồng thủy sản, đa dạng hóa loài nuôi và thúc đẩy phát triển nghề nuôi thủy sản và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Xây dựng thành công mô hình nuôi thương phẩm cá chuối hoa tại 03 điểm (trong lồng, bể, ao) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>1) 01 Quy trình kỹ thuật sản xuất nhân tạo giống cá chuối hoa (<i>Channa maculata</i>) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên được nghiệm thu ở cấp cơ sở và thử nghiệm thành công sinh sản cá chuối hoa.</p> <p>(2) 01 Quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá chuối hoa (<i>Channa maculata</i>) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên được nghiệm thu ở cấp cơ sở.</p> <p>(3) Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá chuối hoa tại 03 điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nuôi trong ao: 500 m², năng suất đạt (10 - 15) kg/m², tỷ lệ sống 75%, cá thương phẩm đạt khối lượng ≥ 700 gam/con; - Nuôi trong lồng: quy mô 100 m³, năng suất đạt 45 kg/m³, tỷ lệ sống 75%, cá thương phẩm đạt khối 	Tuyển chọn

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ	Phương thức thực hiện
		<p>lượng ≥ 700 gam/con;</p> <p>- Nuôi trong bể: quy mô 100 m^3, năng suất đạt 45 kg/m^3, tỷ lệ sống 75%, cá thương phẩm đạt khối lượng ≥ 700 gam/con;</p> <p>(4) 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước.</p> <p>(5) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và đối ứng của các đơn vị phối hợp thực hiện mô hình.</p>	
4	4	<p>Đề tài: Nghiên cứu giải pháp phòng chống ốc sên hại cây có múi theo hướng an toàn sinh học với môi trường và sức khỏe cộng đồng tại tỉnh Hưng Yên</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Nghiên cứu được thành phần ốc sên, loài ốc sên gây hại chính trên cây cam, bưởi;</p> <p>(2) Xây dựng được quy trình phòng chống ốc sên gây hại chính trên cây cam, bưởi theo hướng an toàn sinh học, thân thiện với môi trường và sức khỏe cộng đồng tại tỉnh Hưng Yên.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Báo cáo thành phần loài và đánh giá được thiệt hại của ốc sên trên cây cam, bưởi tại tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Mẫu thành phần các loài ốc sên gây hại, hình ảnh triệu chứng gây hại của ốc sên trên cây cam, bưởi tại tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) Quy trình phòng trừ tổng hợp ốc sên gây hại chính trên cây cam, bưởi tại tỉnh Hưng Yên theo hướng an toàn sinh học, thân thiện với môi trường và sức khỏe cộng đồng (hiệu lực phòng trừ trên $\geq 80\%$; được hội đồng cấp cơ sở thông qua).</p> <p>(4) 02 điểm thí nghiệm trình diễn quản lý ốc sên hại chính trên cây cam, bưởi. Hiệu quả phòng trừ ốc sên $\geq 80\%$, quy mô 01 ha/điểm trình diễn (01 điểm trên cây cam; 01 điểm trên cây bưởi).</p> <p>(5) Tập huấn được cho 60 lượt nông dân tại các vùng trồng cam, bưởi tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(6) 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước.</p> <p>(7) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và đối ứng của các đơn vị phối hợp thực hiện mô hình.</p>	Tuyển chọn
5	5	<p>Dự án: Nghiên cứu đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, xây dựng mô hình liên kết</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>1) Xác định được cơ cấu, sử dụng các loại rau ăn quả chất lượng cao trong nhà màng theo chuỗi giá trị nâng cao hiệu quả kinh tế cho người sản xuất và giá trị sử dụng cho người tiêu dùng;</p> <p>(2) Xây dựng được mô hình sản xuất và tiêu thụ một số giống rau ăn quả chất lượng cao theo chuỗi giá trị tại tỉnh Hưng Yên, cho hiệu quả kinh tế cao hơn 30% -70% so với trồng dưa lưới</p>	Tuyển chọn

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ	Phương thức thực hiện
	sản xuất và tiêu thụ sản phẩm các loại rau ăn quả chất lượng cao trong nhà màng tại tỉnh Hưng Yên	<p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Lựa chọn được ít nhất 04 giống (dưa chuột snack, ớt chuông, ớt snack trái cây, cà chua beef) thích hợp sản xuất trong nhà màng tại tỉnh Hưng Yên (mỗi loại 01 giống);</p> <p>(2) 04 quy trình sản xuất (dưa chuột snack, ớt chuông, ớt snack trái cây, cà chua beef);</p> <p>(3) 04 điểm thí nghiệm quy trình sản xuất (dưa chuột snack, ớt chuông, ớt snack trái cây, cà chua beef);</p> <p>(4) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và đối ứng của các đơn vị phối hợp thực hiện mô hình.</p>	
6	6	<p>Đề tài: Nghiên cứu xác định giống và kỹ thuật nhân giống, trồng một số loại cây cảnh lá có giá trị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Xác định được ít nhất 03 giống cây cảnh lá có giá trị kinh tế, cảnh quan;</p> <p>(2) Xây dựng thành công quy trình nhân giống và quy trình trồng thương phẩm 3 giống cây cảnh lá.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Báo cáo về thực trạng nhân giống, sản xuất và tiêu thụ cây cảnh lá tại một số vùng chuyên sản xuất và kinh doanh cây cảnh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Đánh giá sinh trưởng và lựa chọn 03 chủng loại cây cảnh lá có giá trị cao phục vụ thị trường trong nước; 03 giống cây cảnh lá được tự công bố lưu hành.</p> <p>(3) Xây dựng 03 quy trình kỹ thuật nhân giống nuôi cấy mô cho các loại cây cảnh lá đạt hệ số nhân giống cao, cây khỏe, sạch bệnh, giá xuất cây giảm 15% so các sản phẩm cùng loại trên thị trường. Quy trình được hội đồng nghiệm thu cơ sở thông qua.</p> <p>(4) Xây dựng 03 quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc các loại cây cảnh lá chất lượng tốt, cây khỏe, sạch bệnh, tỷ lệ sống đạt trên 80%, giá xuất cây giảm 15% so các sản phẩm cùng loại trên thị trường; Quy trình được hội đồng nghiệm thu cơ sở thông qua.</p> <p>(5) Báo cáo kết quả xây dựng điểm thí nghiệm nhân giống cây cảnh lá bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào 5.000 cây x 03 chủng loại (15.000 cây).</p> <p>(6) Báo cáo kết quả xây dựng 03 điểm thí nghiệm diện rộng trồng 3 giống cây cảnh lá với quy mô 500 m²/điểm (3.000 cây/giống) tại Hưng Yên (huyện Văn Giang, ...).</p> <p>(7) Tổ chức 02 hội thảo và 03 lớp tập huấn kỹ thuật về kỹ thuật nhân giống nuôi cấy mô, trồng và chăm sóc cây cảnh lá.</p> <p>(8) 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước.</p> <p>(9) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài và các báo cáo chuyên đề, báo cáo điểm thí nghiệm.</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và đối ứng của các đơn vị phối hợp thực hiện mô hình.</p>	Tuyển chọn

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ	Phương thức thực hiện
II	LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN		
7	1	<p>Đề tài: Giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, đảm bảo an sinh xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Đề tài nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện; kinh nghiệm quốc tế và trong nước về thực hiện và mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện, nhất là đối với người lao động khu vực phi chính thức;</p> <p>(2) Phân tích thực trạng và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;</p> <p>(3) Đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội và đặc điểm lao động của tỉnh, góp phần phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>1) Cơ sở lý luận về mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện đảm bảo an sinh xã hội bền vững.</p> <p>(2) Phân tích thực trạng và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) Đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội và đặc điểm lao động của tỉnh, góp phần phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an sinh xã hội bền vững</p> <p>(4) 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước.</p> <p>(5) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài và các báo cáo chuyên đề.</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p>	Tuyển chọn
8	2	<p>Đề tài: Quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Hưng Yên trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Đánh giá thực trạng quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại tỉnh Hưng Yên trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.</p> <p>(2) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thuế đối với các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Hưng Yên trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.</p> <p>(3) Đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Hưng Yên trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Báo cáo chuyên đề về cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp FDI.</p> <p>(2) Phiếu điều tra, khảo sát; Bộ cơ sở dữ liệu về thực trạng quản lý thuế đối với các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Hưng Yên trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.</p>	Tuyển chọn

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ	Phương thức thực hiện
		<p>(3) Bộ cơ sở dữ liệu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thuế đối với các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Hưng Yên trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.</p> <p>(4) Quy trình quản lý thuế đối với các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Hưng Yên trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.</p> <p>(5) Các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Hưng Yên trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.</p> <p>(6) Tổ chức các hội thảo khoa học.</p> <p>(7) 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước.</p> <p>(8) Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài và báo cáo các chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p>	
9	3	<p>Đề tài: Nghiên cứu nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>1. Mục tiêu</p> <p>(1) Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nguồn nhân lực chất lượng cao tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên .</p> <p>(4) Đề xuất các giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Bộ cơ sở dữ liệu về thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Bộ cơ sở dữ liệu về nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nguồn nhân lực chất lượng cao tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(4) Báo cáo dự báo nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(5) Các giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.</p> <p>(6) 01 bài báo khoa học được chấp thuận đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước.</p> <p>(7) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài và các báo cáo chuyên đề.</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p>	Tuyển chọn

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ	Phương thức thực hiện
III	LĨNH VỰC KHOA HỌC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, Y DƯỢC, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ		
10	1	<p>Đề tài: Nghiên cứu giải pháp nâng cao quản lý kế hoạch bài giảng điện tử tại cơ sở giáo dục đáp ứng chương trình chuyển đổi số của tỉnh Hưng Yên.</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Thực trạng quản lý kế hoạch bài giảng điện tử tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý kế hoạch bài giảng điện tử tại các cơ sở giáo dục đáp ứng chương trình chuyển đổi số của tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) Mô hình áp dụng giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý kế hoạch bài giảng điện tử tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn 01 huyện hoặc thị xã, thành phố của tỉnh Hưng Yên.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Báo cáo cơ sở lý luận, thực tiễn về quản lý bài giảng điện tử tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;</p> <p>(2) Phiếu điều tra, khảo sát; Bộ cơ sở dữ liệu về thực trạng quản lý bài giảng điện tử tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;</p> <p>(3) Báo cáo về các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý bài giảng điện tử tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;</p> <p>(4) Mô hình áp dụng giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý kế hoạch bài giảng điện tử tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn 01 huyện hoặc thị xã, thành phố của tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(5) 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước.</p> <p>(6) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài, các báo cáo chuyên đề và các sản phẩm khác của đề tài.</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p>	Tuyển chọn
11	2	<p>Đề tài: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp nghe kém ở người cao tuổi tại tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Xác định tỷ lệ và đặc điểm nghe kém ở người cao tuổi (≥ 60 tuổi) tại tỉnh Hưng Yên năm 2025.</p> <p>(2) Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến nghe kém ở người cao tuổi tại tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) Đề xuất một số biện pháp can thiệp cho người cao tuổi bị nghe kém tại tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ</p> <p>(1) Báo cáo thực trạng và một số yếu tố liên quan tới tình trạng nghe kém ở người cao tuổi tại tỉnh Hưng Yên năm 2025 (Báo cáo đảm bảo tính khoa học, chính xác, có số liệu minh chứng).</p> <p>(2) Báo cáo về các yếu tố liên quan tới tình trạng nghe kém ở người cao tuổi (phân tích đầy đủ các yếu tố</p>	Tuyển chọn

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ	Phương thức thực hiện
		liên quan tới tình trạng nghe kém ở người cao tuổi). (3) Báo cáo phân tích và đề xuất các biện pháp can thiệp cho người cao tuổi bị nghe kém trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. (4) 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước. (5) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có). 3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.	
IV	NHIỆM VỤ KH&CN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1221/QĐ-UBND NGÀY 26/5/2021 CỦA UBND TỈNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030		
12	1	<p>Đề tài: Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Hưng Yên” dùng cho các sản phẩm rau, củ, quả được trồng đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Xây dựng được hồ sơ chi tiết đảm bảo cơ sở khoa học và thực tiễn để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Hưng Yên”;</p> <p>(2) Thiết lập hệ thống công cụ quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Hưng Yên”;</p> <p>(3) Nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Hưng Yên” được đăng ký bảo hộ, sử dụng, quản lý và khai thác có hiệu quả trên thực tế;</p> <p>(4) Góp phần phát triển, duy trì danh tiếng sản phẩm và nâng cao đời sống người dân vùng trồng, sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Hưng Yên”.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) 01 Mẫu nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Hưng Yên” được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ.</p> <p>(2) 01 Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Hưng Yên”.</p> <p>(3) 01 Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Hưng Yên” do Cục Sở hữu trí tuệ cấp.</p> <p>(4) 01 Quy chế cấp và thu hồi quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Hưng Yên”.</p> <p>(5) 01 Quy chế kiểm soát chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Hưng Yên”.</p> <p>(6) 01 Quy chế sử dụng tem, nhãn, bao bì sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Hưng Yên”.</p> <p>(7) Bộ phương tiện quảng bá sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Hưng Yên” (tờ rơi, poster, biển quảng cáo...).</p> <p>(8) 01 Phóng sự quảng bá sản phẩm “Rau an toàn Hưng Yên”.</p>	Tuyển chọn

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ	Phương thức thực hiện
		<p>(9) 01 Phương án phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Hưng Yên”.</p> <p>(10) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài, các báo cáo chuyên đề và các sản phẩm khác của đề tài.</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p>	
V	NHIỆM VỤ KH&CN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỐ 197/KH-UBND NGÀY 05/12/2022 CỦA UBND TỈNH VỀ ÁP DỤNG VÀ QUẢN LÝ HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN 2022 - 2030		
13	1	<p>Đề tài: Xây dựng mô hình áp dụng truy xuất nguồn gốc tích hợp quy trình sản xuất cho một số sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Khảo sát, lựa chọn được các sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có khả năng đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn quốc gia có liên quan đến truy xuất nguồn gốc (TCVN 12850:2019 Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc, TCVN 13274:2020 Truy xuất nguồn gốc - Hướng dẫn định dạng các mã dùng trong truy vết, TCVN 13275:2020 Truy xuất nguồn gốc - Định dạng vật mang dữ liệu, ...)</p> <p>(2) Xây dựng mô hình áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc tích hợp quy trình sản xuất cho một số sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên</p> <p>(3) Chuẩn hóa thông tin tem, nhãn, mã số mã vạch trên sản phẩm, hàng hoá; đảm bảo kết nối dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá Quốc gia.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>1) Báo cáo kết quả khảo sát các sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có khả năng đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn quốc gia có liên quan đến truy xuất nguồn gốc</p> <p>(2) Xây dựng và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho 80 sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.</p> <p>(3) 80 quy trình truy xuất nguồn gốc phù hợp với đặc thù sản xuất, kinh doanh được áp dụng, tự công bố phù hợp với các tiêu chuẩn quốc gia có liên quan đến truy xuất nguồn gốc, có thể sử dụng trên máy tính, điện thoại và các phương tiện điện tử khác để truy xuất. Dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm áp dụng tra cứu được trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.</p> <p>(4) 02 Hội nghị tuyên truyền, phổ biến kết quả xây dựng và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>(5) 02 tin, bài đăng trên báo điện tử, 01 phóng sự phát trên truyền hình.</p> <p>(6) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài và các báo cáo chuyên đề.</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p>	Tuyển chọn

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ	Phương thức thực hiện
VI	NHIỆM VỤ KH&CN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỐ 101/KH-UBND NGÀY 30/6/2021 CỦA UBND TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NÂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG (01 đề xuất)		
14	1	<p>Đề tài: Đánh giá thực trạng và hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn ISO 45001:2018 - Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Đánh giá thực trạng quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực quản lý và kiểm soát an toàn, vệ sinh lao động trong các doanh nghiệp sản xuất nhằm giảm thiểu tỉ lệ tai nạn lao động, đặc biệt là các nguyên nhân đến từ khâu quản lý của doanh nghiệp và nguyên nhân đến từ người lao động;</p> <p>(2) Hướng dẫn áp dụng thí điểm tiêu chuẩn ISO 45001:2018 - Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho các doanh nghiệp sản xuất, từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng và nhân rộng mô hình điểm về áp dụng các hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất, chất lượng tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) Giảm thiểu thiệt hại về vật chất khi tai nạn lao động xảy ra.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Báo cáo đánh giá thực trạng quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Bảng tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn ISO 45001:2018.</p> <p>(3) Ít nhất 05 bộ hồ sơ hướng dẫn xây dựng và áp dụng Tiêu chuẩn ISO 45001:2018 cho 05 doanh nghiệp (có lĩnh vực sản xuất khác nhau) được cấp giấy chứng nhận.</p> <p>(4) 01 tài liệu về hướng dẫn áp dụng Tiêu chuẩn ISO 45001:2018 cho các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (được nghiệp thu ở cấp cơ sở).</p> <p>(5) 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước;</p> <p>(6) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài và các báo cáo chuyên đề.</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p>	Tuyển chọn

(Phụ lục này có 10 trang).